TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Hoàn

Bà Vũ Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lê Sỹ T, sinh năm 1995; địa chỉ: khu G, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* chị Phạm Thị Á, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Sỹ T trình bày:

Về tình cảm: anh Lê Sỹ T và chị Phạm Thị Á kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 09/11/2018. Trước khi kết hôn, anh T và chị Á có một thời gian tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn anh T và chị Á về chung sống tại khu G, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Hiện nay anh T và chị Á đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Chị Á đã về nhà bố mẹ

đẻ tại thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Đến nay, anh T thấy bản thân không còn tình cảm với chị Á, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Á.

Về con chung: anh Lê Sỹ T và chị Phạm Thị Á có 01 con chung là Lê Phạm Minh H, sinh ngày 02/7/2019. Hiện nay cháu Lê Phạm Minh H đang được anh Lê Sỹ T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Quan điểm về con chung sau ly hôn của anh T: anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh Lê Sỹ T trình bày anh và chị Phạm Thị Á không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Phạm Thị Á mặc dù đã được Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần, nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T, cũng không đến Tòa án để làm việc, không có quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị Phạm Thị Á theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại nơi cư trú của anh T và chị Á, bà Nguyễn Thị H1 - Trưởng khu phố G, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cho biết: Anh Lê Sỹ T và chị Phạm Thị Á đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 09/11/2018. Trước khi kết hôn, anh T và chị Á có một thời gian tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn anh T và chị Á về chung sống tại địa phương. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Hiện nay anh T và chị Á đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Chị Á đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Về việc anh Lê Sỹ T xin ly hôn với chị Phạm Thị Á, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh Lê Sỹ T và chị Phạm Thị Á có 01 con chung là cháu: Lê Phạm Minh H, sinh ngày 02/7/2019. Hiện nay cháu Lê Phạm Minh H đang được anh Lê Sỹ T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu anh T và chị Á không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao con cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung của anh Lê Sỹ T và chị Phạm Thị Á địa phương không nắm được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn là anh Lê Sỹ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn là chị Phạm Thị Á và giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung; chị Phạm Thị Á được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư

ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Sỹ T: cho anh T được ly hôn chị Phạm Thị Á; về con chung: giao con chung Lê Phạm Minh H, sinh ngày 02/7/2019 cho anh Lê Sỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chị Phạm Thị Á không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không đề cập; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn anh Lê Sỹ T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn chị Phạm Thị Á; anh T và chị Á đều có nơi cư trú tại thị xã Q, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị Phạm Thị Á nhưng chị Á vẫn cố tình vắng mặt gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Ngày 12/7/2024, nguyên đơn là anh Lê Sỹ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Sỹ T và chị Phạm Thị Á kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng

Ninh vào ngày 09/11/2018. Trước khi kết hôn, anh T và chị Á có một thời gian tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn anh T và chị Á về chung sống tại khu G, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Hiện nay anh T và chị Á đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai.

Lời khai của anh Lê Sỹ T phù hợp với biên bản xác minh tại khu phố nơi anh T và chị Á cư trú về mâu thuẫn vợ chồng. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc của tòa án nhiều lần nhưng chị Á vẫn cố tình trốn tránh không đến làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì. Điều này thể hiện chị Á cũng không có mong muốn hòa giải đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của anh T và chị Á đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Sỹ T, cho anh T được ly hôn chị Á là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: anh Lê Sỹ T và chị Phạm Thị Á có 01 con chung là Lê Phạm Minh H, sinh ngày 02/7/2019. Hiện nay con chung đang được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Quan điểm về con chung sau ly hôn của anh T: anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Á phải cấp dưỡng con chung.

Chị Phạm Thị Á vắng mặt, không có quan điểm về con chung.

Hội đồng xét xử thấy: Quan điểm của anh T là phù hợp; chị Á hiện vắng mặt, không có quan điểm, nên chấp nhận yêu cầu về con chung của anh T.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: anh Lê Sỹ T trình bày là không có, nên không xét. Do chị Phạm Thị Á không tham gia tố tụng, nên chị Á có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung, khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Sỹ T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Sỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Sỹ T được ly hôn với chị Phạm Thị Ánh .

2. Về con chung: giao con chung Lê Phạm Minh H, sinh ngày 02/7/2019 cho anh Lê Sỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chị Phạm Thị Á không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Á có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: anh Lê Sỹ T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0003848 ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tx. Quảng Yên;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND P. Hà An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Huy